

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TỶ LỆ THU NHẬP LÃI CẬN BIÊN TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19: BẰNG CHỨNG THỰC NGHIỆM TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM

Nguyễn Kim Chi*, Nguyễn Thị Minh Ngọc

Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM

*Email: nguyenkimchi@iuh.edu.vn

Ngày nhận bài: 01/11/2021; Ngày chấp nhận đăng: 18/02/2022

TÓM TẮT

Mục tiêu chính của nghiên cứu là tìm ra các yếu tố tác động đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) của các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam đặc biệt trong giai đoạn nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quý IV/2019 đến hết Quý II/2021. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng từ báo cáo tài chính riêng lẻ tại 25 Ngân hàng Thương mại Cổ phần tại Việt Nam trong giai đoạn trên đồng thời sử dụng phương pháp mô men tổng quát (GMM) để phân tích các yếu tố tác động đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của các Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy Tỷ suất sinh lời (ROE), Tỷ lệ quy mô vốn chủ sở hữu (CAP), Quy mô ngân hàng (SIZE), Tỷ lệ chi phí hoạt động (OP) tác động cùng chiều, có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM). Trong khi đó, Tỷ lệ thanh khoản (LIQ) tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM). Còn lại Tỷ lệ cấp tín dụng (LOAN), Tỷ lệ lạm phát (INF) và Tăng trưởng GDP thực tế (GDP) tác động nhưng không có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) trong nghiên cứu này.

Từ khóa: Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM), GMM, Covid-19.

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra trong thời gian vừa qua, Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của dịch bệnh đến đời sống kinh tế, xã hội. Đặc biệt đợt dịch bệnh kèm theo giãn cách xã hội kéo dài từ cuối tháng 4/2021 tại một số tỉnh phía Bắc và khu kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An v.v. đã tác động rất lớn đến mọi mặt trong nền kinh tế, trong đó có hệ thống ngân hàng [1]. Ngân hàng là mạch máu của nền kinh tế, là mắt xích quan trọng trong quá trình sản xuất lưu thông hàng hóa, gắn kết các chủ thể trong nền kinh tế. Hoạt động của hệ thống ngân hàng có tác động rất lớn và quan trọng đến quá trình phát triển của nền kinh tế hàng hoá. Thông qua các hoạt động cơ bản, ngân hàng đem lại lợi ích cho người gửi tiền, người vay tiền và cho cả ngân hàng thông qua chênh lệch lãi suất thu được. Sự chênh lệch giữa tổng doanh thu từ lãi và tổng chi phí trả lãi chia cho tổng tài sản sinh lời bình quân được gọi là lãi suất cận biên (Net interest margin - NIM) [2], đây là thước đo quan trọng để phản ánh tính hiệu quả cũng như khả năng sinh lợi của ngân hàng. Thông tin liên quan đến tỷ lệ NIM của ngân hàng cũng là một phần của tín hiệu trong việc ra quyết định đầu tư [3]. Do đó, các ngân hàng sẽ có thể thực hiện chức năng trung gian với chi phí thấp nhất có thể để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nói chung. Thời gian gần đây, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã và đang tác động tiêu cực đến kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, trong đó có khu vực ngân hàng.

Trước tình hình này, các Ngân hàng cần phải phân tích, đánh giá được những thách thức và cơ hội để có những giải pháp ứng phó kịp thời nhằm giảm thiểu những rủi ro trong hoạt động của mình. Nghiên cứu các yếu tố tác động đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng giúp cho các nhà quản lý ngân hàng giám sát chặt chẽ hoạt động tín dụng đem lại hiệu quả hoạt động tối ưu nhất cho ngân hàng, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

2. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM

Nghiên cứu trước đây về NIM được thực hiện lần đầu tiên bởi Ho & Saunder (1981) sau đó Angbazo (1997), Saunder & Schumacher (2000) tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu này để tìm ra các yếu tố tác động đến NIM, những nghiên cứu này chính là tiền đề cho hàng loạt các nghiên cứu sau này liên quan đến NIM [4-6]. Theo Ho & Saunder (1981) định nghĩa rằng: Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên là mức đo sự chênh lệch giữa lợi nhuận từ các khoản phát sinh lãi do ngân hàng tạo ra và số tiền lãi trả cho người cho vay của họ, đó là các khoản tiền gửi của khách hàng, là khoản chi phí phải trả cho các chủ thể trong nền kinh tế đầu tư vào ngân hàng [4]. Nhờ việc xác định tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của ngân hàng thì ngân hàng sẽ tính toán và đánh giá được phần trăm hưởng lợi nhuận từ việc chênh lệch lãi suất giữa khoản khai thác nguồn vốn từ nền kinh tế (huy động vốn) và đầu tư tín dụng.

Đo lường tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) như sau:

$$NIM = \frac{\text{Thu nhập đầu tư} - \text{Chi phí lãi vay}}{\text{Tài sản thu nhập bình quân}} \quad (1)$$

Hoặc

$$NIM = \frac{\text{Thu nhập lãi thuần}}{\text{Tài sản có sinh lãi bình quân}} \quad (2)$$

Trong đó:

- Thu nhập lãi thuần là sự chênh lệch giữa tổng các khoản tiền thu được trong việc hoạt động kinh doanh của NHTM với các chi phí mà ngân hàng bỏ ra. Nói một cách khác là tổng nguồn thu so với tổng các khoản chi phí bỏ ra trong hoạt động kinh doanh.

- Tài sản có sinh lãi được lấy từ thông số trên bảng cân đối tài chính, là các khoản đầu tư của NHTM như: Tiền gửi tại NHTW + tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác + Chứng khoán kinh doanh + Cho vay khách hàng.

Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của ngân hàng mang chỉ số dương cho thấy ngân hàng hoạt động hiệu quả với các khoản đầu tư của mình, từ đó cũng có thể đánh giá được việc quản lý tài sản của ngân hàng hiệu quả và xử lý phù hợp nợ của NHTM. Ngược lại, nếu tỷ lệ thu nhập lãi cận biên âm thể hiện ngân hàng đang gặp khó khăn trong hoạt động đầu tư tạo ra lợi nhuận.

Trong một nghiên cứu gần đây về NIM của Endri và cộng sự (2020) về các ngân hàng thương mại ở Indonesia trong giai đoạn 2008-2018, sử dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng để ước tính ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô và yếu tố nội tại của ngân hàng đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên [3]. Kết quả chứng minh rằng các biến số của nợ xấu, Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi, Lợi nhuận trên tài sản, Lãi suất và Tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến NIM. Trong đó biến tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng mạnh nhất, trong khi yếu tố nợ xấu có ảnh hưởng không đáng kể đến NIM.

Biến số kinh tế vĩ mô là yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến hoạt động trong ngành ngân hàng, đây cũng là một trong những yếu tố then chốt quyết định hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Trong điều kiện nền kinh tế phát triển tốt hơn có thể làm tăng nhu cầu tín dụng, điều này thúc đẩy sự gia tăng chi phí lãi vay [7]. Các nghiên cứu chứng minh rằng một vài trong số các

yếu tố kinh tế vĩ mô như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất, v.v. ảnh hưởng đến NIM [2, 3]. Trong khi đó nghiên cứu khác lại chứng minh điều ngược lại [8].

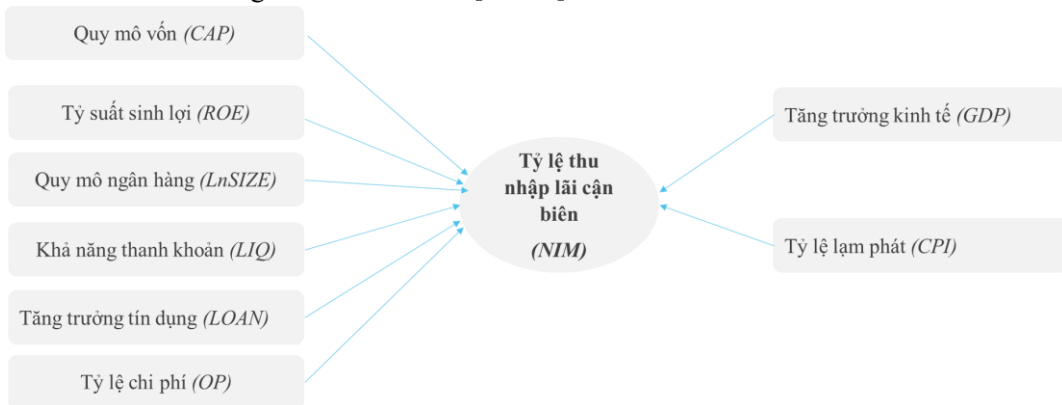
Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến NIM của các ngân hàng thương mại ở Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn từ Quý I/2011 đến Quý I/2016 đã làm nổi bật mối quan hệ giữa các cú sốc chính sách tiền tệ và lợi nhuận ngân hàng, sự thay đổi trong lãi suất khi NHTW thực hiện chính sách tiền tệ có tác động đáng kể và tích cực đến NIM. Ngoài ra, các yếu tố như: tỷ lệ vốn chủ sở hữu và chi phí hoạt động cũng ảnh hưởng đáng kể đến NIM trong giai đoạn nghiên cứu trên [9].

Một nghiên cứu về các yếu tố tác động đến NIM được thực hiện tại 17 quốc gia ở Trung Mỹ và Ca-ri-bê trong giai đoạn 1998-2014 và sử dụng dữ liệu trên báo cáo tài chính của 134 ngân hàng thương mại, với phương pháp phân tích hồi quy GMM, nghiên cứu đã chỉ ra rằng sức mạnh thị trường ngân hàng, chi phí hoạt động, rủi ro tín dụng và thanh khoản tác động tích cực đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên [10].

3. MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật phân tích định lượng bằng cách sử dụng các kiểm định để lựa chọn mô hình phù hợp nhất với dữ liệu bảng thu thập được từ 25 ngân hàng thương mại tại Việt Nam, bao gồm 6 Quý từ Quý IV/2019 đến Quý II/2021, tổng 175 quan sát. Từ các kiểm định cho thấy rằng mô hình bị phương sai thay đổi, tự tương quan và hiện tượng nội sinh nên nghiên cứu sử dụng phương pháp GMM với các biến công cụ để khắc phục điều chỉnh mô hình [11].

Căn cứ theo các nghiên cứu của Chortareas et al (2010), Maudos & Guevara (2004), bài báo đề xuất mô hình nghiên cứu như sau [12, 13]:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Từ đó có phương trình nghiên cứu sau:

$$NIM_{it} = \beta_0 + \beta_1 CAP_{it} + \beta_2 ROE_{it} + \beta_3 LnSIZE_{it} + \beta_4 LIQ_{it} + \beta_5 LOAN_{it} + \beta_6 OP_{it} + \beta_7 GDP_t + \beta_8 INF_t + u_{it}$$

Trong đó:

- Biến phụ thuộc: NIM là yếu tố nội tại ngân hàng i năm thứ t
- Biến độc lập: LnSIZE, OP, LOAN, ROE, CAP, LIQ là các yếu tố nội tại ngân hàng i năm thứ t . Còn biến GDP, INF là các yếu tố kinh tế vĩ mô năm t .
- β_0 : hệ số chặn
- β_j ($j=1,9$): các hệ số hồi quy
- u_{it} : sai số của mô hình

Bảng 1. Mô tả các biến cố trong mô hình nghiên cứu

Biến	Mô tả	Giá thuyết nghiên cứu	Nguồn tham khảo
Biến Phụ thuộc			
NIM	Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên = (Thu nhập lãi - Chi phí lãi)/ Tổng tài sản có sinh lời		[12]
Biến Độc lập			
SIZE	Quy mô ngân hàng = Ln(tổng tài sản)	+	[12]
OP	Tỷ lệ chi phí = Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động	+	[13]
LOAN	Tăng trưởng tín dụng = [(Dư nợ cho vay _t - Dư nợ cho vay _{t-1})/ Dư nợ cho vay _{t-1}]/ Tổng tài sản	+	[14]
ROE	Tỷ suất lợi nhuận = Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	+	[15]
CAP	Quy mô Vốn = Vốn chủ hữu/ Tổng tài sản	+	[16]
LIQ	Khả năng thanh khoản = Tài sản thanh khoản/ Tổng tài sản	-	[17]
INF	Tỷ lệ lạm phát = (CPI _t - CPI _{t-1})/ CPI _{t-1}	+	[18]
GDP	Tốc độ tăng trưởng kinh tế = (GDP _t - GDP _{t-1})/ GDP _{t-1}	-	[16]

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN NGHIÊN CỨU

4.1. Thống kê mô tả

Dữ liệu được thu thập từ 25 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam trong 6 Quý từ Quý IV/2019 đến Quý II/2021, với các thông số về thống kê mô tả ở bảng sau:

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến cố trong mô hình

	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
NIM	175	0,01	0,01	0,00	0,04
CAP	175	0,06	0,02	0,02	0,15
ROE	175	0,06	0,05	0,00	0,36
SIZE	175	0,00	0,46	-0,98	0,93
LIQ	175	0,16	0,06	0,04	0,30
LOAN	175	0,04	0,04	-0,05	0,20
OP	175	0,24	0,06	0,10	0,42
GDP	175	0,07	0,23	-0,42	0,29
INF	175	0,00	0,00	0,00	0,01

(Nguồn: Kết quả trên phần mềm Stata 15)

Bảng 2 thể hiện lần lượt là số quan sát, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất. Trong đó mức thu nhập lãi cận biên (NIM) của các ngân hàng dao động qua lại tại mức trung bình 1%, mức thấp nhất 0,0001% và mức cao nhất là 4%.

4.2. Phân tích tương quan

Để xây dựng được một mô hình phù hợp và có ý nghĩa thì phải xem xét đến mối quan hệ tuyến tính giữa các biến trong mô hình, vấn đề này được thể hiện thông qua ma trận tương quan như sau:

Bảng 3. Hệ số tương quan giữa các biến

	NIM	CAP	ROE	SIZE	LIQ	LOAN	OP	GDP	INF
NIM	1,00								
CAP	0,05	1,00							
ROE	0,68	-0,30	1,00						
SIZE	0,32	-0,64	0,48	1,00					
LIQ	-0,41	0,28	-0,19	-0,44	1,00				
LOAN	0,20	-0,17	0,26	0,15	-0,12	1,00			
OP	0,29	0,26	0,10	0,08	-0,06	0,20	1,00		
GDP	0,00	-0,05	0,03	0,01	0,13	0,30	0,08	1,00	
INF	0,09	0,00	0,12	-0,01	0,05	0,14	0,11	0,07	1,00

(Nguồn: Kết quả trên phần mềm Stata 15)

Bảng 3 thể hiện mối tương quan giữa các biến trong mô hình, ta thấy hệ số tương quan của tất cả các biến đều nhỏ hơn 0,8 và dao động trong khoảng $(-1 < R \leq 0,8)$ cho nên các biến trong các mô hình là phù hợp.

4.3. Các kiểm định mô hình và kết quả nghiên cứu

Hiện tượng đa cộng tuyến là hiện tượng để xác định các biến độc lập trong mô hình có tương quan tuyến tính lẫn nhau, bài báo sử dụng thông số VIF để tiến hành kiểm định giả thuyết mô hình không bị hiện tượng đa cộng tuyến, như sau:

Bảng 4. Kiểm định đa cộng tuyến VIF

BIẾN	VIF	1/VIF
SIZE	2,46	0,406766
CAP	2,09	0,478353
ROE	1,39	0,71956
LIQ	1,29	0,77392
OP	1,29	0,776124
LOAN	1,27	0,785255
GDP	1,14	0,878475
INF	1,05	0,954951
Mean VIF	1,5	

(Nguồn: Kết quả trên phần mềm Stata 15)

Từ bảng phân tử phóng đại phương sai cho thấy tất cả các biến trong mô hình có $VIF < 10$ nên có thể kết luận mô hình bị đa cộng tuyến không nghiêm trọng. Bên cạnh đó bài báo tiến hành các kiểm định White, kiểm định Wooldridge, kiểm định Durbin-Wu-Hausman thì phát hiện mô hình bị phương sai thay đổi, tự tương quan và hiện tượng nội sinh, để khắc phục các hiện tượng này bài báo sử dụng phương pháp GMM, cho kết quả như sau:

Bảng 5. Kết quả mô hình hồi quy GMM

NIM	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	z	P > z	Khoảng tin cậy 95%	
CAP	0,09	0,017	5,460	0,000	0,059	0,124
ROE	0,07	0,003	29,430	0,000	0,070	0,080
SIZE	0,00	0,001	2,750	0,006	0,001	0,003
LIQ	-0,02	0,004	-5,130	0,000	-0,028	-0,013
LOAN	0,00	0,003	1,100	0,271	-0,002	0,009
OP	0,01	0,003	2,970	0,003	0,003	0,014
GDP	0,00	0,000	-0,140	0,892	-0,001	0,000
INF	0,00	0,020	0,250	0,806	-0,034	0,044
_cons	0,00	0,001	1,400	0,162	-0,001	0,003

(Nguồn: Kết quả trên phần mềm Stata 15)

4.4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng biến Mức ngại rủi ro (CAP) là biến được tìm thấy có tác động mạnh mẽ nhất đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM), tỷ lệ giữa vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản tác động thúc đẩy sự phát triển hiệu quả của NIM. Điều này hàm ý rằng, khi quy mô vốn chủ sở hữu ngân hàng càng lớn thì ngân hàng càng tạo được uy tín trên thị trường, sự tin tưởng từ khách hàng, hoạt động huy động vốn và tín dụng càng được mở rộng và đem lại lợi nhuận cho ngân hàng từ đó sẽ làm tăng tỷ lệ thu nhập lãi cận biên. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi các yếu tố khác không đổi tỷ lệ của vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản tăng 1% thì tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) của ngân hàng tăng tương ứng 0,912%. Điều này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Abreu và Mendes (2003), Fungacovo & Poghosyan (2011) [19, 20]. Trong khoảng thời gian nghiên cứu của bài báo, mặc dù nền kinh tế phải đối mặt với đại dịch Covid-19, nhưng lại là khoảng thời gian của những “cuộc đua” về tăng vốn giữa các ngân hàng thương mại Việt Nam. Đây cũng là lộ trình tất yếu của các ngân hàng khi vốn chủ sở hữu đa phần còn mỏng hoặc cần bổ sung thêm để nâng cao mức độ an toàn vốn, đồng thời đảm bảo thực hiện tăng vốn đúng lộ trình theo chuẩn Basel II được quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Các ngân hàng liên tục đẩy mạnh tăng vốn bằng nhiều hình thức và đã nhận được sự chấp thuận chính thức về tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm các ngân hàng có vốn Nhà nước như Vietcombank, VietinBank, BIDV; các ngân hàng thuộc khối tư nhân gồm SHB, VP Bank, TP Bank, OCB, v.v. Tính đến thời điểm 30/06/2021, VietinBank là ngân hàng dẫn đầu về vốn điều lệ với 48.058 tỷ đồng, tiếp sau là BIDV, Vietcombank, Techcombank, Agribank, MB Bank, VP Bank, v.v. Việc các ngân hàng có nguồn vốn dồi dào, có năng lực quản trị rủi ro vững chắc chắc chắn sẽ tạo ra lợi nhuận bền vững cho ngân hàng.

Tiếp theo là tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ lệ này càng cao thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản của ngân hàng càng tốt, từ đó sẽ tạo ra lợi nhuận, nguồn thu cao, làm tăng tỷ lệ thu nhập lãi cận biên. Kết quả hồi quy cho thấy, ROE có tác động cùng chiều với NIM. Hệ số hồi quy là 0,74 nghĩa là ở mức ý nghĩa 1% khi ROE tăng 1% thì tỷ lệ lãi cận biên tăng 0,74%.

Biến độc lập tiếp theo tác động đến NIM là biến OP thể hiện chất lượng quản lý của Ngân hàng thông qua chi phí hoạt động, biến này tỷ lệ thuận với NIM. Điều này cho thấy trong giai đoạn nghiên cứu, chất lượng quản lý các Ngân hàng Thương mại tại Việt Nam tăng 1% dẫn tới NIM tăng 0,003%.

Biến Logarit của tổng tài sản (LnSIZE) là yếu tố tác động đến NIM. Quy mô của ngân hàng tác động cùng chiều với NIM trong giai đoạn nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với đại dịch Covid-19, cho thấy tài sản ngân hàng càng tăng thì NIM càng cao, khi quy mô ngân hàng tăng 1% thì NIM tăng tương ứng 0,006%. Điều này đúng với công trình nghiên cứu của Chortareas et al. (2010) nối tiếp nghiên cứu trước đây của Liebeg và Schwaiger (2007) cho rằng yếu tố quy mô ngân hàng tác động đồng biến với NIM [12, 14].

Cuối cùng, Rủi ro thanh khoản (LIQ) quan hệ ngược chiều với NIM, trong trường hợp các yếu tố khác không đổi, tỷ lệ thanh khoản trên tổng tài sản tăng 1% thì tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của ngân hàng giảm 0,2%. Đây cũng là kết quả nghiên cứu của Angbazo (1997), Afanasieff et al. (2002) [5, 18]. Tỷ lệ thanh khoản tăng có nghĩa là ngân hàng càng thận trọng trong hoạt động tín dụng và đầu tư của mình, điều này hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh đại dịch Covid-19 ở Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu khi mà hoạt động sản xuất ngưng trệ, rất nhiều doanh nghiệp đóng cửa, phá sản, người lao động mất việc, v.v. chịu tác động nghiêm trọng bởi đại dịch, các ngân hàng càng phải thận trọng trong hoạt động sử dụng vốn của mình để đảm bảo an toàn cho hoạt động của ngân hàng, chính vì vậy nguồn thu nhập của ngân hàng từ lãi giảm sút.

Bên cạnh những biến vi mô (CAP, ROE, SIZE, LIQ, OP) có ý nghĩa thống kê trong mô hình thì có 3 biến (LOAN, GDP, INF) không có ý nghĩa thống kê, nguyên nhân là do thời gian nghiên cứu của bài báo tương đối ngắn nên ở góc độ vĩ mô chưa có biến động nhiều. Bên cạnh đó, đặc biệt phải kể đến những chính sách của Ngân hàng Nhà nước đã chủ động, quyết liệt triển khai hiệu quả nhiều giải pháp hỗ trợ về tín dụng, giảm lãi suất cho vay bằng chính nguồn lực của ngành ngân hàng nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, theo đó Ngân hàng Nhà nước sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các Ngân hàng thương mại, tạo điều kiện cho các Ngân hàng thương mại tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng Nhà nước với chi phí thấp hơn, qua đó có điều kiện giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất - kinh doanh. Song song với đó, Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng và triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ như ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020, Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 2/4/2021 tạo khuôn khổ pháp lý để các tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi phí, giữ nguyên nhóm nợ, tháo gỡ khó khăn cho các khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 ở tất cả các lĩnh vực, ngành nghề. Qua đó hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại ở Việt Nam vẫn giữ được sự ổn định trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết quả nghiên cứu đã tìm ra quy mô vốn chủ sở hữu là yếu tố tác động mạnh nhất đến NIM, chính vì vậy khi các ngân hàng muốn cải thiện NIM có thể thực hiện biện pháp tăng vốn chủ sở hữu của mình dưới nhiều hình thức khác nhau trong đó phải kể đến việc phát hành thêm cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đối với các ngân hàng đã lên sàn giao dịch. Điều này vừa giúp cho các ngân hàng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, mở rộng quy mô các sản phẩm của ngân hàng, tạo uy tín và sự tin tưởng của khách hàng, gia tăng được room huy động vốn theo quy định của pháp luật từ đó mang lại nguồn vốn kinh doanh dồi dào hơn và xây dựng nguồn lực tài chính vững chắc cung ứng tạo nguồn thu cho ngân hàng, bên cạnh đó việc tăng vốn còn giúp các ngân hàng tiệm cận được với các tiêu chuẩn Basel, nâng vị thế của mình trên trường quốc tế.

Quy mô càng lớn thì càng giúp các NHTM hoạt động kinh doanh tốt hơn nhưng đi đôi với đó là rủi ro về nguồn vốn và năng lực để duy trì hoạt động của các NHTM. Các chi phí hoạt động phát sinh trong quá trình ngân hàng mở rộng quy mô như chi phí mặt bằng, nhân lực, v.v. ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng. Vì vậy, các NHTM cần nâng cao năng lực quản lý, đẩy mạnh phát triển công nghệ và dựa vào nguồn vốn của từng ngân hàng để tăng

quy mô một cách hợp lý. Ở góc độ thói quen giao dịch, có thể nhận thấy làn sóng COVID-19 đã thay đổi toàn diện thói quen sử dụng sản phẩm dịch vụ online của người dùng; đặt ra bài toán cho rất nhiều ngân hàng phải chạy nước rút xây dựng hệ sinh thái số và cạnh tranh về những tính năng ưu việt, tiện lợi cho khách hàng. Một giải pháp được các ngân hàng rất quan tâm hiện nay đó chính là đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, đây chính là giải pháp hợp lý đưa ra ứng phó với bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp kéo dài, các doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động, người dân ở nhà, hạn chế tối đa ra ngoài, trừ các trường hợp thật sự cần thiết. Chuyển đổi số đã và đang là xu hướng quan trọng ở các quốc gia trên toàn thế giới. Công nghệ số đã không còn là một sự lựa chọn mà là một nhiệm vụ cấp bách cho các ngân hàng, vì nếu không theo kịp hoạt động của ngân hàng sẽ gián đoạn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Chính vì vậy, các ngân hàng nên đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để giúp các ngân hàng vẫn duy trì sự ổn định trước diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19, đảm bảo các giao dịch thông suốt, giảm đáng kể chi phí về nguồn nhân lực, mặt bằng v.v. và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Xuân Hoàng - Tác động của đại dịch COVID-19 đến hoạt động của các ngân hàng niêm yết trên sàn chứng khoán, Tạp chí Tài chính **8** (2) (2021).
2. Daniel K. Tarusa, Yonas, B. Chekolb, Milcah Mutwolc - Determinants of net interest margins of commercial banks in Kenya, *Procedia Economics and Finance* **2** (2012) 199-208.
3. Endri Endri, Asti Marlina, Hurriyaturohman - Impact of internal and external factors on the net interest margin of banks in Indonesia, *Banks and Bank Systems* **15** (4) (2020) 99-107.
4. Ho T.S., Saunders A. - The determinants of bank interest margins: Theory and empirical evidence, *Journal of Financial and Quantitative Analysis* **16** (4) (1981) 581-600.
5. Angbazo, L. - Commercial bank net interest margins, default risk, interest-rate risk, and off-balance sheet banking, *Journal of Banking & Finance* **21** (1) (1997) 55-87.
6. Anthony Saunders, Liliana Schumache - The determinants of bank interest rate margins: an international study, *Journal of International Money and Finance* **19** (6) (2000) 813-832.
7. Kashyap, A. K. & Stein, J. C. - What do a Million Observations on Banks Say About the Transmission of Monetary Policy, *Working Papers* (2000) 407-427.
8. Neelesh Gounder, Parmendra Sharma - Determinants of bank net interest margins in Fiji, a small island developing state, *Financial Economics* **22** (19) (2012) 1647-1654.
9. Muhammed Hasan Yilmaz - Factors impacting bank net interest margin and the role of monetary policy: Evidence from Turkey, *International Journal of Finance & Banking Studies* **6** (2) (2017) 1-23.
10. Anthony Birchwood, Michael Brei, Dorian Noel - Interest margins and bank regulation in Central America and the Caribbean, *Journal of Banking and Finance Elsevier* **85** (2017) 56-68.
11. Judge G.G, Hill R.C., Griffiths W.E., Lutkepohl H., Lee T. - Introduction to the theory and practice of econometrics, *Journal of Applied Econometrics* **5** (3) (1988) 306-308.
12. Chortareas G.E., Garza-Garcia J.G., Girardone C. - Banking sector performance in some latin american countries: Market power versus efficiency, *Working Papers 2010-20*, Banco de México (2010).

13. Maudos J., Guevara J.F. - Factors explaining the interest margin in the banking sectors of the European Union, *Journal of Banking & Finance* **28** (9) (2004) 2259-2281.
14. David Liebeg & Markus Schwaiger - Determinants of Bank Interest Margins in Central and Eastern Europe, *Financial Stability Report*, Oesterreichische Nationalbank (Austrian Central Bank) **14** (2007) 68-84.
15. Nguyễn Đình An, Tô Thị Hồng Gấm - Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, *Tạp chí Tài chính* **12** (2) (2020).
16. Hamadi H., Aweh A. - The Determinants of bank net interest margin in Fiji, a small island developing state, *Applied Financial Economics* **22** (2012) 1647-1654.
17. Islam M. S., & Nishiyama S.-I. - The determinants of bank net interest margins: A panel evidence from South Asian countries, *Research in International Business and Finance* **37** (2016) 501-514.
18. Afanasieff T. S., Lhacer P. M., & Nakane M. I. - The determinants of bank interest spread in Brazil, *Money Affairs* **15** (2) (2002) 183-207.
19. Abreu M., Mendes, V. - Do macro-financial variables matter for European bank interest margins and profitability, *Financial Management Association International* (2003).
20. Fungacova Z., Poghosyan T. - Determinants of bank interest margins in Russia: Does bank ownership matter?, *Economic Systems* **35** (2011) 481-495.

ABSTRACT

FACTORS AFFECTING NET INTEREST MARGINAL (NIM) OF JOINT STOCK COMMERCIAL BANKS IN VIETNAM

Nguyen Kim Chi*, Nguyen Thi Minh Ngoc
Industrial University of Ho Chi Minh City
*Email: nguyenkimchi@iuh.edu.vn

The main purpose of the study is to find out the factors affecting Net Interest Margin (NIM) of Vietnamese joint stock commercial banks, especially in the period when Vietnam's economy is affected by Covid-19 pandemic from the 4th Quarter of 2019 to the end of the 2nd Quarter of 2021. The study uses panel data from separate financial statements at 25 joint-stock commercial banks in Vietnam during the above period and also uses Generalized Method of Moments (GMM) to analyze the factors affecting the Net Interest Margin of joint stock commercial banks in Vietnam. The research results show that Return on Equity (ROE), Scale of Equity (CAP), Bank Size (SIZE), Operating Expense Ratio (OP) have a positive impact, statistically significant with Net Interest Margin (NIM). Meanwhile, Liquidity Ratio (LIQ) has a negative and statistically significant effect on the Net Interest Margin (NIM). (LOAN), Inflation Rate (INF) and Real GDP Growth (GDP) impact but are not statistically significant with the Net Interest Margin (NIM) in this study.

Keywords: Net Interest Margin (NIM), GMM, Covid-19.